

Thanh Hóa, ngày 22 tháng 3 năm 2024

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua hợp đồng năm 2024
giữa Công ty với Tổng Công ty cổ phần Bia Rượu Nước giải khát Hà Nội

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021, sửa đổi bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 11/01/2022 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021;
- Điều lệ của Công ty cổ phần Bia Hà Nội - Thanh Hóa;
- Căn cứ việc Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội (HABECO) là cổ đông chiếm 55,0% vốn Công ty.

Để việc ký kết các hợp đồng, giao dịch với HABECO được thực hiện theo đúng quy định tại Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020 ngày 17/6/2020, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội những nội dung sau:

1. Quyết định ký kết Hợp đồng mua bán năm 2024 với Tổng Công ty cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội (Hợp đồng có giá trị trên 10% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty cổ phần Bia Hà Nội - Thanh Hóa; theo Hợp đồng đính kèm).

2. Giao Giám đốc Công ty tổ chức việc ký kết Hợp đồng nêu trên; đảm bảo theo đúng quy định Pháp luật, Điều lệ, Quy chế, quy định nội bộ và phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh thực tế của công ty.

Trân trọng kính trình Đại Hội chấp thuận thông qua nội dung trình trên.

Nơi nhận:

- ĐHCĐ 2024;
- HĐQT HABECO;
- Các thành viên HĐQT, BKS Công ty;
- Lưu VP, HĐQT.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG MUA BÁN

Số: /HABECO – HTH

Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 đã được Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017;

Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XI thông qua ngày 14/6/2005, có hiệu lực từ ngày 01/01/2006;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XI thông qua ngày 29/11/2005, có hiệu lực từ ngày 01/07/2006;

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá số 05/2007/QH 12 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XII thông qua ngày 21/11/2007, có hiệu lực từ ngày 01/07/2008;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020, có hiệu lực từ ngày 01/01/2021,

Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của hai Bên,

Hôm nay, ngày tháng năm tại 183 Hoàng Hoa Thám, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, chúng tôi gồm có:

BÊN A: TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU – NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Trụ sở : 183 Hoàng Hoa Thám, P.Ngọc Hà, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội
Điện thoại : 84.024.38453843; Fax: 84.024.37223784
Tài khoản : 1500201055412 Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam - CN Hà Nội.
Mã số thuế : 0101376672

Đại diện : Ông **Trần Thuận An** Chức vụ: **Phó Tổng giám đốc**
(Theo Giấy ủy quyền số 128/GUQ- HABECO ngày 17/5/2021 của Tổng giám đốc)

BÊN B : CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI - THANH HOÁ

Trụ sở : 152 Quang Trung, P. Ngọc Trạo, Tp Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá
Điện thoại : 0237.3852503 Fax: 0237.3853270
Tài khoản : 119 0000 19541 Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – chi nhánh Sầm Sơn.
Mã số thuế : 2800791192

Đại diện : Ông **Nguyễn Kiên Cường** Chức vụ: **Giám đốc**

Hai Bên thống nhất thỏa thuận ký Hợp đồng với các điều khoản sau:

Điều 1: Các nguyên tắc chung



1.1. Bên A cùng với Bên B tổ chức sản xuất sản phẩm (được quy định tại Điều 2 của Hợp đồng này) theo công nghệ và mang nhãn hiệu đã được đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ của Bên A (sau đây gọi là các sản phẩm mang thương hiệu Bia Hà Nội). Trong đó:

1.1.1. Bên A cung cấp các tài liệu liên quan đến quá trình sản xuất Bên B. Bên A kiểm soát Bên B thực hiện quá trình sản xuất các sản phẩm mang thương hiệu Bia Hà Nội của Bên A tại Bên B.

1.1.2. Bên B tổ chức sản xuất, bảo đảm chất lượng sản phẩm theo yêu cầu của Bên A.

1.1.3. Bên A bán cho Bên B các nguyên vật liệu mang tính chất quyết định đến chất lượng sản phẩm mang thương hiệu Bia Hà Nội của Bên A.

1.2. Bên B bán cho Bên A toàn bộ số lượng sản phẩm đã được Bên A xác nhận đạt chất lượng theo giá thỏa thuận. Đối với số lượng sản phẩm không được Bên A xác nhận đạt chất lượng thì được xử lý theo quy định.

1.3. Bên A ủy quyền cho các Công ty vận tải và/hoặc các Công ty Thương mại thực hiện việc giao, nhận bia thành phẩm và vỏ chai kết với Bên B. Bên A thông báo cho Bên B danh sách cá nhân thay mặt người mua hàng ký trên hóa đơn giá trị gia tăng của Bên B.

1.4. Tùy từng thời điểm và năng lực tài chính, Bên B sẽ hỗ trợ công tác tiêu thụ sản phẩm và phát triển thương hiệu cho Bên A.

Điều 2: Tên sản phẩm và chất lượng

2.1. Tên sản phẩm: - Bia chai/ lon.....

2.2. Chất lượng:

Chất lượng các sản phẩm mang thương hiệu Bia Hà Nội do Bên B sản xuất phải tuân thủ theo quy định của Bên A:

- Các tài liệu về tiêu chuẩn chất lượng (TCCL) trong hệ thống tài liệu ISO.
- Bản Công bố chất lượng sản phẩm được đăng tải và cập nhật trên website: <https://www.habeco.com.vn> của Bên A.

Điều 3: Giá mua bán Nguyên vật liệu và Bia thành phẩm

3.1. Đối với bia thành phẩm: Đơn giá sản phẩm Bên B bán cho Bên A là đơn giá đã bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt Bên B phải nộp theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Căn cứ xác định giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt được Bên A thông báo bằng văn bản cho Bên B tại từng thời kỳ. Khi có sự thay đổi về đơn giá, hai bên sẽ thống nhất với nhau bằng Phụ lục Hợp đồng.

3.2. Đối với nguyên vật liệu:

Địa điểm giao nhận nguyên vật liệu tại Bên A hoặc Bên B theo thỏa thuận giữa 02 bên. Khi có thay đổi về đơn giá, chủng loại, hai Bên sẽ thỏa thuận và ký kết Phụ lục Hợp đồng bổ sung.

Điều 4: Điều kiện, thời hạn và phương thức thanh toán

4.1. Điều kiện thanh toán :

4.1.1. Đối với bia thành phẩm: Bên A thanh toán cho Bên B sau khi thỏa mãn 2 điều kiện sau:

- Các sản phẩm được sản xuất theo đơn đặt hàng của Bên A đã sẵn sàng để bàn giao, đạt chất lượng theo tiêu chuẩn quy định.

- Bên A nhận được hóa đơn GTGT hợp lệ, bảng kê xuất Bia của Bên B.

4.1.2. Đối với nguyên vật liệu: Bên B thanh toán cho Bên A sau khi Bên B nhận được nguyên vật liệu và hóa đơn GTGT hợp lệ của Bên A.

4.2. Thời hạn và phương thức thanh toán:

4.2.1. Đối với bia thành phẩm: Bên A thanh toán cho Bên B bằng chuyển khoản vào tài khoản của Bên B, tối đa không quá 30 ngày làm việc kể từ ngày Bên A nhận được bộ hồ sơ thanh toán hợp lệ của Bên B hoặc bù trừ tiền bán nguyên vật liệu cho Bên B.

4.2.2. Đối với nguyên vật liệu: Bên B thanh toán cho Bên A bằng chuyển khoản vào tài khoản của Bên A, tối đa không quá 30 ngày làm việc kể từ ngày Bên B nhận được hóa đơn GTGT hợp lệ của Bên A hoặc bù trừ tiền bán bia thành phẩm cho Bên A.

4.2.3. Việc thanh toán bù trừ tại điểm 4.2.1, 4.2.2 và các khoản thanh toán khác (nếu có) giữa hai Bên căn cứ theo Biên bản đối chiếu bù trừ công nợ. Giá trị còn lại được thanh toán bằng chuyển khoản.

4.2.4. Thời hạn thanh toán có thể thay đổi theo sự thỏa thuận của hai bên bằng văn bản.

4.3. Hình thức thanh toán: Bù trừ công nợ hoặc chuyển khoản bằng tiền Việt Nam Đồng.

Điều 5: Địa điểm và quy trình giao nhận bia thành phẩm/vỏ chai kết

5.1. Địa điểm giao nhận: Tại kho của Bên B và/hoặc kho của Bên A.

5.2. Quy trình giao nhận: Thực hiện theo quy định của hai bên

5.3. Chi phí vận chuyển, bốc xếp:

5.3.1. Trường hợp giao nhận tại kho của Bên B: Bên B chịu trách nhiệm thanh toán chi phí bốc dỡ hàng hóa, sản phẩm lên xuống phương tiện vận tải của Bên A tại kho của Bên B.

5.3.2. Trường hợp giao nhận tại kho của Bên A: Bên B chịu trách nhiệm thanh toán chi phí bốc dỡ hàng hóa lên xuống tại kho của Bên B và chi phí vận chuyển hàng hóa đến kho của Bên A.

Điều 6: Quyền và trách nhiệm của mỗi Bên

6.1. Quyền của Bên A:

6.1.1. Điều chỉnh tăng, giảm số lượng sản phẩm, tùy theo tình hình tiêu thụ thực tế.

6.1.2. Kiểm tra, giám sát Bên B về toàn bộ quá trình sản xuất sản phẩm mang thương hiệu Bia của bên A.

6.1.3. Cử nhân viên đến Bên B để thực hiện nhiệm vụ giám sát kỹ thuật sản xuất các sản phẩm của Bên A.

6.1.4. Yêu cầu Bên B thực hiện đúng các điều khoản trong Hợp đồng này.



6.1.5. Các quyền khác theo quy định của Hợp đồng này.

6.2. Trách nhiệm của Bên A:

6.2.1. Thông báo cho Bên B kế hoạch sản xuất hàng tháng trước ngày 17 của tháng trước. Thực hiện công việc điều hành sản xuất và điều hành vận chuyển bia thành phẩm/vỏ chai kết hàng ngày.

6.2.2. Mua toàn bộ số lượng sản phẩm được Bên A xác nhận đạt chất lượng do Bên B sản xuất ra theo Đơn đặt hàng của Bên A.

6.2.3. Thanh toán công nợ theo quy định tại Điều 4 của Hợp đồng này.

6.2.4. Thực hiện trách nhiệm quy định tại Hợp đồng này và các phụ lục kèm theo.

6.3. Quyền của Bên B:

6.3.1. Yêu cầu Bên A cung cấp các tài liệu về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, nguyên vật liệu, phụ gia, hóa chất, bao bì đóng gói để sản xuất và đóng gói sản phẩm mang thương hiệu Bia của bên A.

6.3.2. Yêu cầu Bên A bán nguyên vật liệu đúng số lượng, chất lượng, thời gian và địa điểm theo thỏa thuận của hai Bên.

6.3.3. Yêu cầu Bên A thanh toán công nợ theo đúng quy định Điều 4 của Hợp đồng này.

6.3.4. Yêu cầu Bên A chỉ dẫn thực hiện Hợp đồng, đồng thời thực hiện đúng các quy định trong Hợp đồng.

6.3.5. Các quyền khác theo quy định của Hợp đồng này.

6.4. Trách nhiệm của Bên B:

6.4.1. Thực hiện việc lập, theo dõi Kế hoạch sản xuất tháng theo đúng quy định tại HD.01/KH.

6.4.2. Tổ chức sản xuất theo quy trình công nghệ và các yêu cầu bảo mật công nghệ.

6.4.3. Bảo quản bia thành phẩm, nguyên vật liệu trong kho theo tiêu chuẩn của Bên A quy định. Hướng dẫn giám sát sản phẩm mang thương hiệu Bia của bên A, kho có sức chứa đảm bảo Kế hoạch sản xuất và phù hợp với quy định của Bên A.

6.4.4. Thông báo cho Bên A việc không đảm bảo kế hoạch giao bia thành phẩm, nhận các nguyên vật liệu.

6.4.5. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Bên A về toàn bộ quá trình sản xuất bia mang thương hiệu của bên A.

6.4.6. Gửi bộ hồ sơ thanh toán cho Bên A theo từng lần/tháng và thanh toán công nợ theo quy định tại Điều 4 của Hợp đồng này.

6.4.7. Bên B có trách nhiệm bảo quản và trả lại pallet, nắp đậy pallet cho Nhà cung ứng của Bên A (pallet và nắp đậy pallet là vật dụng để chứa đựng vỏ lon, nắp lon trong quá trình vận chuyển từ Nhà cung ứng chuyên sản xuất và cung cấp vỏ lon, nắp lon của Bên A tới Bên B để sản xuất sản phẩm Bia thương hiệu của bên A). Trong trường hợp Bên B làm thất thoát pallet và nắp đậy pallet, Bên B có trách nhiệm thanh

toán khoản tiền đền bù ứng với giá trị của số lượng pallet và nắp đậy pallet mà Bên B làm thất thoát theo hình thức chuyển khoản vào tài khoản của Bên A với đơn giá được quy định.

6.4.8. Thực hiện gửi báo cáo định kỳ (trước ngày mùng 5 của tháng kế tiếp):

- Báo cáo nhập vỏ chai, kết; nhập – xuất pallet luân chuyển (bao gồm nhập xuất đến Công ty thương mại và giữa các Công ty sản xuất);
- Báo cáo xác nhận số lượng thành phẩm tồn kho Bên A gửi tại kho Bên B

6.4.9. Không sử dụng quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm mang thương hiệu của bên A để sản xuất bất kỳ loại bia mang nhãn hiệu nào khác.

6.4.10. Xử lý sản phẩm không đạt chất lượng theo chỉ dẫn của Bên A.

6.4.11. Bên B có trách nhiệm cập nhật số liệu nhập xuất tồn kho của nguyên vật liệu chính quy định tại Phụ lục của Hợp đồng, bán thành phẩm, thành phẩm hàng ngày trên hệ thống SAP – ERP của Bên A (tài khoản đăng nhập hệ thống do Bên A cung cấp).

6.4.12. Thực hiện trách nhiệm quy định tại Hợp đồng này và các phụ lục kèm theo.

Điều 7: Hành vi vi phạm và phạt vi phạm

7.1. Vi phạm về thương hiệu:

Tất cả các hành vi sử dụng quyền sở hữu trí tuệ của Bên A đã được pháp luật bảo vệ ngoài việc sản xuất sản phẩm quy định tại Điều 2 của Hợp đồng này đều được coi là vi phạm (trừ trường hợp được sự đồng ý trước của Bên A bằng văn bản). Nếu vi phạm Bên B sẽ bị phạt với các mức như sau:

- Vi phạm lần 1: Tạm dừng sản xuất cho đến khi có sự chấp thuận (bằng văn bản) được sản xuất trở lại của Bên A.
- Vi phạm lần 2: Chấm dứt Hợp đồng .

7.2. Vi phạm về chất lượng, số lượng, quy trình, quy phạm:

7.2.1. Vi phạm về chất lượng

a. Tự ý thay đổi quy trình công nghệ đã được chuyển giao. Nếu vi phạm Bên B sẽ bị phạt với các mức như sau:

- Vi phạm lần 1: Phạttriệu đồng, tạm dừng sản xuất cho đến khi Bên B chấm dứt/hủy bỏ việc vi phạm này.
- Vi phạm lần 2: Chấm dứt Hợp đồng .

b. Sử dụng nguyên liệu, phụ gia không đúng tiêu chuẩn kỹ thuật do Bên A quy định. Nếu vi phạm Bên B sẽ bị phạt với các mức như sau:

- Vi phạm lần 1: phạt triệu đồng, tạm dừng sản xuất cho đến khi Bên B chấm dứt/hủy bỏ việc vi phạm này.
- Vi phạm lần 2: Chấm dứt Hợp đồng .

c. Làm thất thoát hoặc sai lệch số lượng các vật liệu mang nhãn hiệu độc quyền của Bên A nhưng không giải trình được nguyên nhân. Mức phạt từ..... đến triệu đồng/1 lần lập biên bản.



d. Vi phạm về tần suất kiểm tra, phân tích, lấy mẫu, gửi mẫu bị nhắc nhở quá 2 lần, lần thứ 3 sẽ bị lập biên bản. Mức phạt triệu đồng/1 lần lập biên bản.

e. Vi phạm về quy định báo cáo số liệu, bị nhắc nhở quá 2 lần, lần thứ 3 sẽ bị lập biên bản. Mức phạt triệu đồng/1 lần lập biên bản.

f. Nếu để sản phẩm lỗi ra thị trường gây ảnh hưởng đến hình ảnh và thương hiệu của Bên A như: bia có dị vật, bia voi, bia lẫn nước thì Bên B sẽ bị phạt với các mức như sau:

- Vi phạm lần 1: Phạt triệu đồng.

- Vi phạm lần 2: Phạt triệu đồng, tạm dừng sản xuất cho đến khi có sự chấp thuận (bằng văn bản) được sản xuất trở lại của Bên A.

- Vi phạm lần 3: Chấm dứt Hợp đồng .

g. Nếu để khách hàng khiếu nại về việc bia bị đóng nhăm chai, nhăm nút, bia bị vẩn đục thì Bên B sẽ bị phạt với các mức như sau:

- Vi phạm lần 1: Phạt triệu đồng.

- Vi phạm lần 2: Phạt triệu đồng, tạm dừng sản xuất cho đến khi có sự chấp thuận (bằng văn bản) được sản xuất trở lại của Bên A.

- Vi phạm lần 3: Chấm dứt Hợp đồng .

h. Nếu để sản phẩm đựng trong két không đúng chủng loại hoặc két bẩn, xấu, gãy, vỡ như đã quy định tại yêu cầu kỹ thuật ra các kho của Công ty thương mại hoặc Nhà phân phối/đại lý cấp 1 của Công ty thương mại nhập sản phẩm trực tiếp từ kho của Bên B gây ảnh hưởng đến hình ảnh và thương hiệu của Bên A thì Bên B sẽ bị phạt 10 triệu đồng/1 lần lập biên bản.

i. Vi phạm chỉ tiêu hóa lý

- Nếu trong 01 tháng có 03 lô liên tiếp có chỉ tiêu không đạt, bên A sẽ lập hồ sơ làm căn cứ để Bên A xử phạt Bên B. Mức phạt: triệu đồng/lần.

j. Vi phạm chỉ tiêu vi sinh

- Bia thành phẩm: Nếu không đạt bên A sẽ lập hồ sơ làm căn cứ để Bên A xử phạt Bên B. Mức phạt: triệu đồng/lần.

k. Vi phạm về năng lực phân tích

- Nếu Bên B không đạt các tiêu chí khi tham gia Ring test trong hệ thống Habeco theo tần suất quy định, Bên B sẽ bị phạt triệu đồng /1 chỉ tiêu không đạt.

7.2.2. Vi phạm về số lượng:

a. Không giao hết 100% số lượng sản phẩm mang thương hiệu Bia của bên A được sản xuất theo lô cho Bên A mà giữ lại bán ra ngoài hoặc dùng vào mục đích khác. Mức phạt: Phạt gấp lần giá trị phần giữ lại theo giá quy định. Tái phạm lần thứ ba sẽ chấm dứt Hợp đồng này.

b. Làm sai lệch số liệu giữa số lượng sản phẩm Bia của bên A sản xuất thực tế và số lượng sản phẩm trên sổ sách mà không giải trình được nguyên nhân. Mức phạt triệu đồng/1 lần lập biên bản.

c. Giao không đúng số lượng, chủng loại trong Kế hoạch vận chuyển Bên A ban hành, điều hành mà không giải trình được nguyên nhân hoặc không báo cáo. Mức phạt:% tổng giá trị lượng hàng hóa giao sai. Đồng thời Bên B phải chịu trách

nhiệm bồi thường mọi chi phí phát sinh để khắc phục hậu quả của việc giao hàng không đúng theo kế hoạch và điều hành của Bên A.

7.2.3. Vi phạm về quy trình, quy phạm:

Không tuân thủ đúng quy trình, quy phạm do Bên A ban hành hoặc không thực hiện đúng yêu cầu theo thông báo của Bên A, Bên A sẽ lập biên bản. Mức phạt: triệu đồng/1 lần lập biên bản.

7.3. Vi phạm về nghĩa vụ sử dụng quy trình công nghệ ngoài phạm vi sản xuất bia theo thỏa thuận tại Hợp đồng này:

Sử dụng quy trình công nghệ sản xuất Bia của Bên A hoặc men Bia do Bên A chuyển giao để sản xuất bia mang nhãn hiệu khác. Nếu vi phạm, Bên B sẽ bị phạt với các mức như sau:

- Vi phạm lần 1: Phạt triệu đồng, tạm dừng sản xuất cho đến khi Bên B chấm dứt việc vi phạm.

- Vi phạm lần 2: Chấm dứt Hợp đồng.

7.4. Vi phạm về việc cập nhật số liệu trên phần mềm SAP:

Trong trường hợp Bên B làm sai lệch số liệu nhập xuất tồn kho của nguyên vật liệu chính, bán thành phẩm, thành phẩm giữa thực tế và số liệu trên phần mềm SAP mà không giải trình được nguyên nhân hoặc nội dung giải trình không được Bên A chấp thuận, Bên B phải chịu phạt vi phạm triệu đồng/lần.

7.5. Trình tự xử phạt :

- Tiến hành lập biên bản với Bên B về việc vi phạm theo quy định tài liệu ISO có liên quan của Bên A.

- Bên A gửi thông báo cho Bên B nêu rõ mức phạt và thời hạn thực hiện.

7.6. Thanh toán tiền phạt:

Việc thanh toán tiền phạt được tính vào công nợ và thanh toán bù trừ theo điểm 4.2.3, khoản 4.2, Điều 4 của Hợp đồng này.

Điều 8: Điều khoản chung:

8.1. Hai Bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh, đầy đủ các điều khoản đã nêu trong Hợp đồng. Nếu có vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng, hai Bên phải kịp thời thông báo cho nhau biết và chủ động bàn bạc, giải quyết trên cơ sở thương lượng đảm bảo đôi Bên cùng có lợi. Mọi thay đổi, bổ sung phải được hai Bên thống nhất bằng văn bản hoặc Phụ lục Hợp đồng.

8.2. Trường hợp có tranh chấp mà hai Bên không giải quyết được bằng thương lượng thì mỗi Bên có quyền khởi kiện đến Tòa án có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

8.3. Bên A có quyền đơn phương đình chỉ và/hoặc chấm dứt Hợp đồng nếu Bên B không thực hiện đúng hoặc vi phạm (các) điều khoản của Hợp đồng và/hoặc các Phụ lục của Hợp đồng này, dẫn đến khả năng gây nguy cơ tổn hại đến uy tín thương hiệu hay chất lượng sản phẩm của Bên A.

8.4. Khi thanh lý Hợp đồng, hai Bên phải tiến hành đối chiếu và thanh toán các khoản công nợ có liên quan đến Hợp đồng này để làm cơ sở ký Biên bản thanh lý Hợp đồng.

8.5. Các Bên cam đoan rằng mỗi Bên có đầy đủ năng lực pháp lý để ký kết và thực hiện Hợp đồng với Bên còn lại. Các Bên đã có đủ và hoàn tất mọi thủ tục pháp lý phê duyệt nội bộ theo quy định của Pháp luật và quy định nội bộ của mỗi Bên và sẽ duy trì hiệu lực đầy đủ của các thủ tục phê duyệt này để ký kết và thực hiện Hợp đồng này

Điều 9: Hiệu lực và số bản của Hợp đồng

9.1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày .../...../..... đến hết ngày/.../.....

9.2. Các Phụ lục là phần không tách rời của Hợp đồng này:

- Phụ lục 01: Về vấn đề kỹ thuật, chất lượng.
- Phụ lục 02: Về nguyên vật liệu.
- Phụ lục 03: Về giao nhận sản phẩm, chai kết, nguyên vật liệu.
- Phụ lục 04: Về Kỹ sư giám sát kỹ thuật sản xuất các sản phẩm của Bên A.

Các Phụ lục khác (nếu có)

9.3. Các tài liệu nội bộ của Bên A được nêu tại Hợp đồng này, gồm:

- Các tài liệu về tiêu chuẩn chất lượng (TCCL) trong hệ thống tài liệu ISO ;
- QC.05/KT, HD.01/QM, HD.05/QM, HD.04/QM, QC.26/KT.

Các bên thống nhất rằng các tài liệu nội bộ nêu trên là một bộ phận cấu thành của Hợp đồng này và có giá trị là cơ sở để dẫn chiếu thực hiện.

9.4. Hợp đồng này được lập thành 04 bản, mỗi Bên giữ 02 bản. Các bản có giá trị như nhau./.

BÊN A

BÊN B